TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/KDTM-PT
Ngày: 25/05/2020
V/v tranh chấp: "Hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Bà Trần Thị Kim Em

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2020/QĐ-PT ngày 30/3/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty M;

Người đại diện theo pháp luật: Huỳnh Văn D – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Lê Văn T, sinh năm 1990; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2019.

- *Bị đơn:* Phạm Thành V, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bùi Quang N, sinh năm 1956; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ X, Khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Đặng Thị Thúy H, sinh năm 1991; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Đặng Thị Thúy H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn – Công ty M có người đại diện theo ủy quyền – anh Lê Văn T trình bày:

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 24/10/2018, Công ty M có mua bán vật tư nông nghiệp là phân bón các loại bằng hình thức bán hàng qua điện thoại với cửa hàng vật tư nông nghiệp Phạm Thành V – đại diện chủ cửa hàng là anh Phạm Thành V và chị Đặng Thị Thúy H. Hai bên có ký hợp đồng mua bán ngày 01/01/2018. Khi các bên tiến hành đối chiếu công nợ thì anh V và chị H còn nợ công ty số tiền 255.250.000 đồng. Đến ngày 24/10/2018, anh V có trả cho công ty được 15.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 240.250.000 đồng đến nay chưa trả. Nay, Công ty M yêu cầu anh Phạm Thành V và chị Đặng Thị Thúy H trả cho công ty số tiền gốc là 240.250.000 đồng và tiền lãi tính từ 24/10/2018 đến ngày 24/01/2019 với mức lãi suất 1%/tháng là 7.207.500 đồng. Tổng cộng là 247.457.500 đồng. Sau ngày 24/01/2019, nếu anh V và chị H vẫn không trả số tiền gốc thì công ty yêu cầu tiếp tục tính lãi suất theo hợp đồng mua bán tính từ ngày 24/01/2019 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn – anh Phạm Thành V, có người đại diện theo ủy quyền – ông Bùi Quang N trình bày:

Anh Phạm Thành V thừa nhận có ký kết hợp đồng mua bán phân bón ngày 01/01/2018 với Công ty M và còn nợ công ty số tiền 240.250.000 đồng. Anh V là người trực tiếp ký hợp đồng với công ty, vợ anh V là chị H không có giao dịch mua bán với công ty nên chị H không liên quan đến vụ kiện này.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh V đồng ý trả Công ty M số tiền 240.250.000 đồng. Anh V xin không tính lãi suất đối với số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Chị Đặng Thị Thúy H trình bày:

Trước đây, do hướng dẫn của Công ty M nên chị mới ký tên với tư cách là người làm chứng (liên quan) trong hợp đồng mua bán phân bón giữa công ty và anh Phạm Thành V. Theo chị biết trong thỏa thuận mua bán và phương thức trả tiền thì công ty sẽ nhận tiền nợ của anh V theo mùa vụ lúa là ba tháng trả dần tiền nợ một lần, số tiền mà anh V phải trả cho công ty tối đa là 20.000.000 đồng/vụ lúa ba tháng. Công ty đồng ý cho anh V bán thiếu phân bón cho nông dân, sau đó anh V sẽ thu tiền của nông dân sau từng vụ lúa để trả lại cho công ty.

Đến vụ lúa hè thu năm 2018, nông dân bị thất mùa nên anh V không thu hồi được nợ, từ đó anh V đã nợ lại công ty số tiền 240.250.000 đồng. Ngoài ra, chị không có trách nhiệm gì đối với số tiền mà anh V nợ công ty vì đây là việc mua bán giữa một mình anh V và công ty. Nay, chị không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị liên đới với anh V trả số tiền nêu trên. Chị không có ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2

Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại; Điều 25, Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

- Buộc anh Phạm Thành V và chị Đặng Thị Thúy H có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty M số tiền còn nợ 240.250.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/10/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Đặng Thị Thúy H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chị H không có trách nhiệm liên đới với anh V trả nợ cho Công ty M số tiền 240.250.000 đồng và án phí 12.012.500 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật. Xét đơn kháng cáo của chị H là trong thời hạn luật định nên được xem xét. Nhận thấy, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "hợp đồng mua bán hàng hóa" là có căn cứ, đúng pháp luật. Anh V có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty M , hiện còn nợ lại số tiền 240.250.000 đồng được anh V công nhận nợ. Chị H có ký tên với tư cách người có liên quan, chị H có tham gia trực tiếp nhận hàng và ký tên. Chị H cũng là người ký tên đối chiếu công nợ. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đề Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của chị Đặng Thị Thúy H, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa" là có căn cứ. Đối với bị đơn Phạm Thành V có đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Quang N có đơn xin giải quyết vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Ông Phạm Thành V là chủ đại lý vật tư nông nghiệp Phạm Thành V (hộ kinh doanh cá thể). Chị Đặng Thị Thúy H vợ của anh V, Đại lý vật tư nông nghiệp Phạm Thành V có mua hàng vật tư nông nghiệp của

Công ty M về bán lại. Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 24/10/2018, Công ty M có mua bán vật tư nông nghiệp là phân bón các loại bằng hình thức bán hàng qua điện thoại với cửa hàng vật tư nông nghiệp Phạm Thành V – đại diện chủ cửa hàng là anh Phạm Thành V và chị Đặng Thị Thúy H. Hai bên có ký hợp đồng mua bán ngày 01/01/2018. Khi các bên tiến hành đối chiếu công nợ thì anh V và chị H còn nợ công ty số tiền 255.250.000 đồng được anh V thừa nhận và chị H ký tên vào bản đối chiếu công nợ. Đến ngày 24/10/2018, anh V có trả cho công ty được 15.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 240.250.000 đồng đến nay chưa trả. Tòa án sơ thẩm đã xét xử buộc anh V và chị H liên đới trả cho Công ty M số tiền còn nợ 240.250.000 đồng. Chị H không đồng ý liên đới trả nợ và kháng cáo bản án sơ thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của chị Đặng Thị Thúy H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ hợp đồng kinh tế đã ký kết ngày 01/01/2018 giữa Công ty M do ông Huỳnh Văn D – Giám đốc làm đại diện ký kết hợp đồng với Đại lý vật tư nông nghiệp Phạm Thành V – Chủ doanh nghiệp làm đại diện, hai bên thỏa thuận với nội dung mua bán hàng vật tư nông nghiệp và thời hạn thanh toán nợ trong vòng 90 ngày (bút lục 30,31,32). Đại diện chủ cửa hàng (Phạm Thành V) và người liên quan (Đặng Thị Thúy H) cùng tham gia ký kết, lập hợp đồng. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định hợp đồng mua bán hàng hóa là vật tư nông nghiệp giữa các bên thật sự phát sinh. Quá trình giao nhận hàng hóa thì chị H cũng tham gia nhận hàng (bút lục 11,14,15,17). Khi tiến hành đối chiếu công nợ thì chị H là người đại diện bên mua xác nhận công nợ với bên bán. Nay chị H kháng cáo cho rằng không tham gia giao dịch mua bán và chỉ tham gia với tư cách người làm chứng là không có cơ sở chấp nhận. Xét bản án sơ thẩm đã xét xử buộc anh V, chị H có trách nhiệm liên đới trả nợ là có căn cứ đúng pháp luật. Bởi lẽ, khi ký hợp đồng mua bán thì chị H ký tên với tư cách người có liên quan, các biên bản đòi nợ, đối chiếu công nợ đều do chị H ký tên. Chị H nại ra rằng vợ chồng ly thân, nhưng không có căn cứ gì chứng minh. Việc mua bán xảy ra trong thời kỳ hôn nhân của anh V , chị H. Cho nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị H phải liên đới trả nợ. Quá trình kháng cáo chị H cũng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của vị Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận đơn kháng cáo của chị H nên chị H phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 17226 ngày 01/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được khấu trừ, nên chị H phải nộp thêm 1.700.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308, và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại; Điều 25, Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Thúy H, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

- Buộc anh Phạm Thành V và chị Đặng Thị Thúy H có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty M số tiền còn nợ 240.250.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Anh Phạm Thành V và chị Đặng Thị Thúy H liên đới chịu 12.012.500 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông nghiệp Mai Vàng 6.186.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16516 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí phúc thẩm: Chị Đặng Thị Thúy H phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 17226 ngày 01/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp tiếp số tiền 1.700.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C, TG;
- CCTHADS huyện C, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Đạt